

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-9-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Liễu, ông Trịnh Ngọc Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thị Hải Y**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn H, xã P3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: 85/8 đường L1, phường Q, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Bị đơn:*** Anh **Bùi Sơn Nguyễn L**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 4, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hải Y trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Y và anh Bùi Sơn Nguyễn L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2019 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột với nhau, anh L không có trách nhiệm với gia đình. Cả hai

cùng nhau hòa giải nhiều lần nhưng không có thể giải quyết được mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay chị Y nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Sơn Nguyễn L

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hạ M, sinh ngày 11/12/2020. Hiện nay cháu M đang được chị Y chăm sóc nuôi dưỡng, chị Y có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về tài sản: Chị Y trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý số 342/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 cho anh L. Anh L đã biết được việc chị Y xin ly hôn với anh L nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Hạ M, sinh ngày 11/12/2020 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm thời, anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của anh L. Để đảm bảo quyền, lợi ích của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị Y phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Bùi Sơn Nguyễn L có nơi cư trú tại xã N, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Phạm Thị Hải Y khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh L, tranh chấp về nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và xác định chị Y là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Y và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 09/12/2019. Như vậy, hôn nhân của chị Y, anh L là hợp pháp. Nay chị Y yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự thể hiện: Chị Y yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh L không có trách nhiệm với gia đình, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau. Bản thân anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vẫn không đến tòa để tham gia hòa giải, thể hiện anh L không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị Y và anh L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của chị Y, cho chị Y được ly hôn với anh L.

- Về nuôi con: Chị Y và anh L có 01 người con chung là cháu Bùi Hạ M, sinh ngày 11/12/2020.

Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Cháu M hiện nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi chị Y, anh L không còn sống chung với nhau, cháu M do chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L biết chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nhưng anh L không có ý kiến trình bày. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo cho cháu M phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tránh sự xáo trộn về đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bùi Hạ M, sinh ngày 11/12/2020 cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không có yêu cầu.

- Về tài sản: Chị Y trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về yêu cầu khởi kiện:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hải Y.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hải Y được ly hôn với anh Bùi Sơn Nguyễn L.

- Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị Hải Y trực tiếp nuôi con chung là Bùi Hạ M, sinh ngày 11/12/2020, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

**2. Về án phí:** Chị Phạm Thị Hải Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002672 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

**3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).**

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Nam Cát Tiên (Số 64, ngày 09/12/2019) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Đại**

